

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 2</p> <p>- Địa chỉ: Số 18 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.</p> <p>- Mã số thuế: 0108577480</p> <p>- Điện thoại: 84-24) 37680059, 37680063</p> <p>- Fax: (84-24) 37680073</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: _____</p> <p><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i></p>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: tỉnh Thái Nguyên
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu khác: _____</p> <p><i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i></p>
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của chủ đầu tư, nhà thầu không được sử dụng bất cứ tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng.
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: theo đơn giá cố định;
E-ĐKC 8	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>(2) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 10	<p>10.1. Tạm ứng</p> <p>+ Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng 01 lần cho Bên B tối đa 30% giá trị hợp đồng (không bao gồm dự phòng) nhưng không vượt kế hoạch vốn của dự án. Trường hợp vốn tạm ứng chưa đủ theo mức quy định do kế hoạch vốn năm bố trí thấp hơn mức bố trí vốn được tạm ứng, Bên B sẽ được tiếp tục tạm ứng trong kế hoạch năm sau cho đến khi đạt giá trị tạm ứng nêu trên.</p> <p>+ Bảo lãnh tạm ứng: Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo hình thức bảo đảm ngân hàng vô điều kiện,</p>

không huỷ ngang với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi Bên A đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.

+ Việc thu hồi tạm ứng được thực hiện theo hướng dẫn của các Nghị định Chính phủ (hiện tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025) và Bộ Tài chính. Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên khối lượng hoàn thành được nghiệm thu của từng đợt thanh toán và bằng 1,25 lần tỷ lệ tạm ứng của đợt thanh toán đó, đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng đã ký.

10.2. Thanh toán

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản

+ Trên cơ sở tiến độ thực hiện gói thầu của Bên B, Bên A sẽ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho Bên B giá trị của từng lần thanh toán sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, các khoản giảm trừ và các khoản tiền giữ lại (nếu có) theo quy định của hợp đồng.

+ Tổng giá trị thanh toán các đợt không vượt quá 95% giá trị hợp đồng; 5% giữ lại qua các đợt thanh toán để thực hiện công tác quyết toán A-B và được thanh toán sau khi các bên ký quyết toán A-B.

Đối với khoản tạm giữ chờ quyết toán, Bên A sẽ chuyển tiền tạm giữ chờ quyết toán vào tài khoản tạm giữ của Bên A tại Ban Giao dịch Kho bạc Nhà nước để thực hiện nghĩa vụ quyết toán. Sau khi quyết toán A-B, Bên A sẽ thanh toán số tiền tạm giữ cho Bên B. Trường hợp, Bên A trả tiền giữ chờ quyết toán khi Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ quyết toán A-B, thì Bên B phải nộp bảo lãnh cho Bên A để thực hiện nghĩa vụ quyết toán. Bảo lãnh phải có giá trị cho đến khi có quyết toán A-B và phải do Ngân hàng cấp theo mẫu được Bên A chấp thuận.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Số lần thanh toán: dự kiến tối đa 10 lần.

Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao, Chủ đầu tư sẽ tiến hành nghiệm thu, thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo các đợt như sau: Các đợt thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá hợp đồng thanh toán.

Bên A thanh toán đến 95% giá trị các hạng mục được nghiệm thu hoàn thành 100% khối lượng hạng mục của nhà thầu, đảm bảo tổng các đợt thanh toán không vượt quá 95% giá trị hợp

	<p>đồng của các hạng mục, giữ lại 5% giá trị hợp đồng cho công tác quyết toán A-B vào tài khoản tạm giữ của Bên A tại Ban Giao dịch Kho bạc Nhà nước. Thanh toán tiền giữ lại 5% giá trị các hạng mục được nghiệm thu hoàn thành còn lại của nhà thầu sau khi gói thầu được hoàn thành công tác quyết toán A-B.</p> <p>- Thời hạn thanh toán: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Bên B, Bên A phải hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán tới Kho bạc Nhà nước phục vụ thanh toán.</p> <p>- Hồ sơ thanh toán:</p> <p>Khi có khối lượng hoàn thành, Bên B nộp 07 bộ hồ sơ thanh toán cho Bên A sau khi hoàn thành công việc và hoàn tất các hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Theo Mẫu biểu của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 hoặc tuân thủ theo quy định, biểu mẫu của Nghị định hiện hành tại thời điểm thanh toán. + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Bên A và đại diện Bên B. + Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Bên A và đại diện Bên B; + Đề nghị thanh toán của Bên B cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này (nếu có). <p>Hồ sơ thanh toán, quyết toán: theo hướng dẫn tại nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 và các quy định hiện hành có liên quan.</p>
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 395 ngày (theo tiến độ của dự án)
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 07 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh).
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Theo quy định của Pháp luật có liên quan.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.

E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : _____ [Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].
E-ĐKC 17	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,1% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 800.000.000 đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế</p>
E-ĐKC 19.1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương. - Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó. - Nhà thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc năm mươi sáu (56) ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng, dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được phép của chủ đầu tư. - Nhà thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng xây dựng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của chủ đầu tư. - Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

	- Các quy định khác được quy định trong quá trình thương thảo, ký kết hợp đồng.
E-ĐKC 20	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đầu tư bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng xây dựng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của nhà thầu. - Sau năm mươi sáu (56) ngày liên tục công việc bị dừng do lỗi của chủ đầu tư, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. - Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu sau năm mươi sáu (56) ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
E-ĐKC 22.2	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.</p> <p>Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để xử lý tranh chấp theo quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Phí nộp cho Bên giải quyết khiếu kiện sẽ do bên thua kiện phải nộp toàn bộ</p>
E-ĐKC 23.1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án 2 - Số 18 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. <ul style="list-style-type: none"> + Điện thoại: 024. 37680059/63 + Fax: 024.37680073 - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____